

Bản Chi tiết sản phẩm  
Ngày phát hành 03, 2008  
Mã số no.5.1.002  
Hiệu đính lần 07  
Sikaflex® -PRO3 WF

## Sikaflex® -PRO3 WF

### Chất trám khe đàn hồi gốc polyuretan với khả năng co giãn 25%

Mô tả	Sikaflex-PRO 3WF là một chất trám khe đàn hồi 1 thành phần, gốc polyuretan có khả năng kháng các tác động cơ học tốt và cho phép co giãn khoảng 25%.  Sikaflex-PRO 3WF phản ứng với độ ẩm không khí và nhanh kết tạo thành chất trám khe đàn hồi.
Các ứng dụng	Sikaflex-PRO 3WF là một chất liệu đa năng do đó rất thích hợp để sử dụng trong nhiều lĩnh vực. Khe phải được thiết kế phù hợp với các điều kiện riêng của từng công trình: <ul style="list-style-type: none"><li>■ Khe sàn</li><li>■ Khe sàn ở những nơi tiếp xúc với hóa chất</li><li>■ Khe ở trong hệ thống thoát nước của nhà máy xử lý nước thải.</li><li>■ Khe trong xây dựng đường hầm</li></ul>
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"><li>■ Khả năng co giãn 25%</li><li>■ Đàn hồi</li><li>■ Không tạo bọt khí</li><li>■ Kháng hóa chất và có độ bền cơ học tốt</li><li>■ Kết dính tuyệt hảo với hầu hết các vật liệu xây dựng.</li></ul>
Thử nghiệm	
Chứng nhận/ kiểm nghiệm	Phù hợp với tiêu chuẩn ISO 11600 F 25 HM.  Thử nghiệm dựa trên yêu cầu của chứng chỉ chất thải ISEGA áp dụng cho việc sử dụng ở vùng liên quan đến thực phẩm.
Thông tin về sản phẩm	
Màu	Xám bê tông.
Đóng gói	600 ml gói (1 thùng = 20 gói)
Thời hạn sử dụng	15 tháng kể từ ngày sản xuất nếu được lưu trữ nơi mát (ở +10°C đến 25°C) và khô ráo, trong bao nguyên còn niêm kín. Bảo vệ tránh tia bức xạ mặt trời trực tiếp.

## Thông số kỹ thuật

<b>Gốc hóa học</b>	Polyuretan, một thành phần, bảo dưỡng trong điều kiện hơi ẩm (không có chứa chất PCB có thành phần hóa dẻo)																				
<b>Khối lượng thể tích (DIN 53 479 B)</b>	Khoảng 1.25 kg/lít																				
<b>Nguyên tắc trám khe/ chuẩn bị khe</b>	Sikaflex-PRO3 WF thích hợp dùng để trám khe giữa các cấu kiện trong xây dựng. Nên thêm thêm một chất hỗ trợ chống lại áp lực nước ở phía sau chất chèn khe – ví dụ như chất polystyren giãn nở. Chức năng trám (bên trong và bên ngoài) có thể được gia tăng bằng cách sử dụng băng cản nước bên trong bê tông.																				
<b>Thiết kế khe</b>	Ở mức chênh lệch nhiệt độ 60°C, chúng tôi đề nghị:																				
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Khoảng cách các khe (m)</th><th>2.0</th><th>4.0</th><th>6.0</th><th>8.0</th><th>10.0</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chiều rộng tối thiểu của khe (mm)</td><td>10</td><td>15</td><td>20</td><td>25</td><td>30</td></tr> <tr> <td>Chiều sâu của khe (mm)</td><td>10</td><td>10</td><td>15</td><td>20</td><td>20</td></tr> </tbody> </table>	Khoảng cách các khe (m)	2.0	4.0	6.0	8.0	10.0	Chiều rộng tối thiểu của khe (mm)	10	15	20	25	30	Chiều sâu của khe (mm)	10	10	15	20	20		
Khoảng cách các khe (m)	2.0	4.0	6.0	8.0	10.0																
Chiều rộng tối thiểu của khe (mm)	10	15	20	25	30																
Chiều sâu của khe (mm)	10	10	15	20	20																
	Độ rộng khe đã nói trên là ở thời điểm đang trám khe với nhiệt độ +10°C																				
	Các khu vực bên ngoài, sự chênh lệch nhiệt độ là 80°C chúng tôi đề nghị:																				
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Khoảng cách các khe (m)</th><th>2.0</th><th>3.0</th><th>4.0</th><th>5.0</th><th>6.0</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chiều rộng tối thiểu của khe (mm)</td><td>12</td><td>15</td><td>18</td><td>20</td><td>25</td></tr> <tr> <td>Chiều sâu của khe (mm)</td><td>10</td><td>12</td><td>15</td><td>18</td><td>20</td></tr> </tbody> </table>	Khoảng cách các khe (m)	2.0	3.0	4.0	5.0	6.0	Chiều rộng tối thiểu của khe (mm)	12	15	18	20	25	Chiều sâu của khe (mm)	10	12	15	18	20		
Khoảng cách các khe (m)	2.0	3.0	4.0	5.0	6.0																
Chiều rộng tối thiểu của khe (mm)	12	15	18	20	25																
Chiều sâu của khe (mm)	10	12	15	18	20																
	Nếu sự khác biệt về nhiệt độ thấp hơn những gì chúng tôi đã đề cập ở trên xin vui lòng liên hệ với phòng kỹ thuật để được hướng dẫn thêm về thiết kế khe.																				
<b>Kháng vong (DIN EN 27 390-St-U20)</b>	Tuyệt hảo																				
<b>Tốc độ bảo dưỡng</b>	Khoảng 2mm/24 giờ (ở +23°C / 50% độ ẩm tương đối)																				
<b>Thời gian khô mặt</b>	Khoảng 1-2 giờ (ở +23°C / 50% độ ẩm tương đối)																				
<b>Nhiệt độ thi công</b>	+5°C đến +40°C (Khoảng nhiệt độ của sản phẩm và vật liệu được thi công phải được duy trì sau 8 giờ)																				
<b>Nhiệt độ sử dụng</b>	-40°C đến +70°C																				
<b>Cường độ kéo (DIN EN 28 339-B)</b>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Cường độ kéo ở</th><th>+23°C</th><th>-10°C</th><th>-20°C</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Độ giãn dài 25%</td><td>0.3 N/mm<sup>2</sup></td><td>0.4 N/mm<sup>2</sup></td><td>0.5 N/mm<sup>2</sup></td></tr> <tr> <td>Độ giãn dài 50%</td><td>0.4 N/mm<sup>2</sup></td><td>0.7 N/mm<sup>2</sup></td><td>0.7 N/mm<sup>2</sup></td></tr> <tr> <td>Độ giãn dài 80%</td><td>0.5 N/mm<sup>2</sup></td><td>0.9 N/mm<sup>2</sup></td><td>0.9 N/mm<sup>2</sup></td></tr> <tr> <td>Độ giãn dài 100%</td><td>0.6 N/mm<sup>2</sup></td><td>1.0 N/mm<sup>2</sup></td><td>1.2 N/mm<sup>2</sup></td></tr> </tbody> </table>	Cường độ kéo ở	+23°C	-10°C	-20°C	Độ giãn dài 25%	0.3 N/mm <sup>2</sup>	0.4 N/mm <sup>2</sup>	0.5 N/mm <sup>2</sup>	Độ giãn dài 50%	0.4 N/mm <sup>2</sup>	0.7 N/mm <sup>2</sup>	0.7 N/mm <sup>2</sup>	Độ giãn dài 80%	0.5 N/mm <sup>2</sup>	0.9 N/mm <sup>2</sup>	0.9 N/mm <sup>2</sup>	Độ giãn dài 100%	0.6 N/mm <sup>2</sup>	1.0 N/mm <sup>2</sup>	1.2 N/mm <sup>2</sup>
Cường độ kéo ở	+23°C	-10°C	-20°C																		
Độ giãn dài 25%	0.3 N/mm <sup>2</sup>	0.4 N/mm <sup>2</sup>	0.5 N/mm <sup>2</sup>																		
Độ giãn dài 50%	0.4 N/mm <sup>2</sup>	0.7 N/mm <sup>2</sup>	0.7 N/mm <sup>2</sup>																		
Độ giãn dài 80%	0.5 N/mm <sup>2</sup>	0.9 N/mm <sup>2</sup>	0.9 N/mm <sup>2</sup>																		
Độ giãn dài 100%	0.6 N/mm <sup>2</sup>	1.0 N/mm <sup>2</sup>	1.2 N/mm <sup>2</sup>																		
<b>Khả năng phục hồi (DIN EN 27 389)</b>	Khoảng 80%																				
<b>Khả năng co giãn</b>	25% (liên quan đến chiều rộng ban đầu của khe)																				
<b>Cường độ truyền (DIN 53 515)</b>	Khoảng 8 N/mm <sup>2</sup>																				
<b>Kháng lại áp lực nước</b>	3 bar (không có các biện pháp bảo vệ hỗ trợ thêm) (dựa theo quy tắc xây dựng và thử nghiệm DIBt)																				
<b>Độ cứng shore A</b>	Khoảng 35 (dựa theo DIN 53 505, sau khi đã được chuẩn bị theo tiêu chuẩn DIN 52 455 phần 2)																				

## Kháng hóa chất

Sikaflex-PRO 3WF được thử nghiệm bởi Viện nghiên cứu Polyme dựa theo quy tắc xây dựng và thử nghiệm DIBt (Viện nghiên cứu về lãnh vực xây dựng của Đức) dành cho bê mặt kết dính với hệ thống Sikafloor cũng như để sử dụng trong nhà máy xử lý nước thải theo tiêu chuẩn DIN 52 452 phần 2.

Nhóm thử nghiệm	Tên	Thời gian thử nghiệm	Phân loại
1	Xăng 3 – và – 4 sao	24h / 72h	(+) / (+)
3	Dầu EL, dầu diesel cũng như các loại dầu bôi trơn không sử dụng	24h / 72h	+ / +
4a*	Benzol và các hỗn hợp có chứa benzol	24h / 72h	(+) / (+)
5	Cồn, ete glycol	24h / 72h	(+) / -
6	Hydrocarbon béo được halogen hóa	24h / 72h	(+) / -
7	Este béo và xeton	24h / 72h	+ / -
8	Aldehyt béo	24h / 72h	+ / +
9	Dung dịch axít hữu cơ loãng lên đến 10%	24h / 72h	+ / +
10	Axit hữu cơ (axít carboxylic) ngoại trừ axít formic	24h / 72h	+ / +
11	Dung dịch kiềm vô cơ	24h / 72h	+ / +
12	Dung dịch vô cơ, các muối không oxy hóa	24h / 72h	+ / +
13	Các amine	24h / 72h	- / -
14.1	Dung dịch tensides hữu cơ loãng	24h / 72h	+ / +
14.2	Dung dịch tensides hữu cơ loãng	24h / 72h	+ / +

\* Nhóm thử nghiệm 4a bao gồm nhóm 2-4b

+ kháng      (+) kháng hạn chế (có thể bị phồng lên)      - không kháng

Trong trường hợp tiếp xúc trực tiếp với hóa chất thì khả năng kháng của chất trám khe bị giới hạn. Những khe tiếp xúc trực tiếp với hóa chất là những khe nối dùng trong khai thác và có thể phải cải tạo lại sau một thời gian sử dụng.

## Thi công

### Vật liệu chèn, đệm

Vì Sikaflex-PRO3WF chỉ sử dụng những vật liệu chèn khe tương thích với chất trám khe (ví dụ: mốp chèn khe polyuretan đàn hồi cao). Khi sử dụng vật liệu chèn khe chiều sâu của khe có thể bị giới hạn, đường kính của vật liệu chèn khe phải lớn hơn chiều rộng của khe khoảng 20%. Chỉ sử dụng những dụng cụ không sắc nhọn để tránh làm hư chất chèn khe.

Nên đệm thêm một chất hỗ trợ chống lại áp lực nước ở phía sau chất chèn khe – như chất polystyren giãn nở. Chức năng trám (bên trong và bên ngoài) có thể được gia tăng bằng cách sử dụng băng cản nước bên trong bê tông.

### Chuẩn bị khu vực kết dính

Những khu vực kết dính phải đạt đủ cường độ, độ đặc chắc, khô và không dính dầu nhớt và bụi. Có thể thi công lên bê tông ẩm nếu dùng kết hợp với Sika Primer 3. Khi làm sạch khe phải bảo đảm các mảnh vụn bỏ và các chất nhiễm bẩn phải bị loại bỏ. Thông thường bê tông nên được mài với máy mài góc. Bề mặt hút nước cần phải làm sạch khô (bằng chổi), đối với bề mặt không hút nước thì rửa ướt (làm sạch bụi/ loại bỏ dầu nhớt), bề mặt kim loại có hình góc v.v. nên dùng Sika Cleaner 5. Các chất dung môi phải bốc hơi hết trước khi thi công chất trám khe.

Những nơi bị bong tróc phải trám lại bằng vữa epoxy (như Sikadur 741)

Tuân thủ thời gian chờ rồi mới tiến hành trám khe.

# Construction

## Thông tin về sức khỏe và an toàn

Sinh thái	Không đổ chất trám khe chưa đóng cứng xuống cống rãnh, đất hoặc nước.
Đổ bỏ chất thải	Bao bì rỗng hoàn toàn và các gói sản phẩm không thuộc đồ phế thải "đặc biệt" và có thể bỏ chung với rác dân dụng. Vật liệu bị quá hạn sử dụng trong gói nguyên cũng như các gói dùng dở dang phải được xử lý như "rác thải" đặc biệt.
Vận chuyển	Không nguy hiểm
Biện pháp cẩn trọng	Để tránh hiện tượng dị ứng dù hiếm khi xảy ra, chúng tôi đề nghị sử dụng găng cao su. Thay quần áo bị vẩy bẩn và rửa tay trước khi nghỉ giải lao và khi kết thúc công việc.
Miễn trừ	Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, công nghệ và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

Sika Limited (Vietnam)  
Trụ sở chính:  
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1  
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai  
Tel: (84-61) 3560 700  
Fax: (84-61) 3560 699

